

Số: 1661/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v **Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung dự án: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/201/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu

hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 05/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu; số 21/2023/QĐ-UBND ngày 4/10/2023 về ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu);

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND thành phố Lai Châu v/v Ban hành kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ dự án: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu);

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 17/7/2023 của UBND thành phố Lai Châu về ban hành đơn giá bồi thường về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Lai Châu năm 2023;

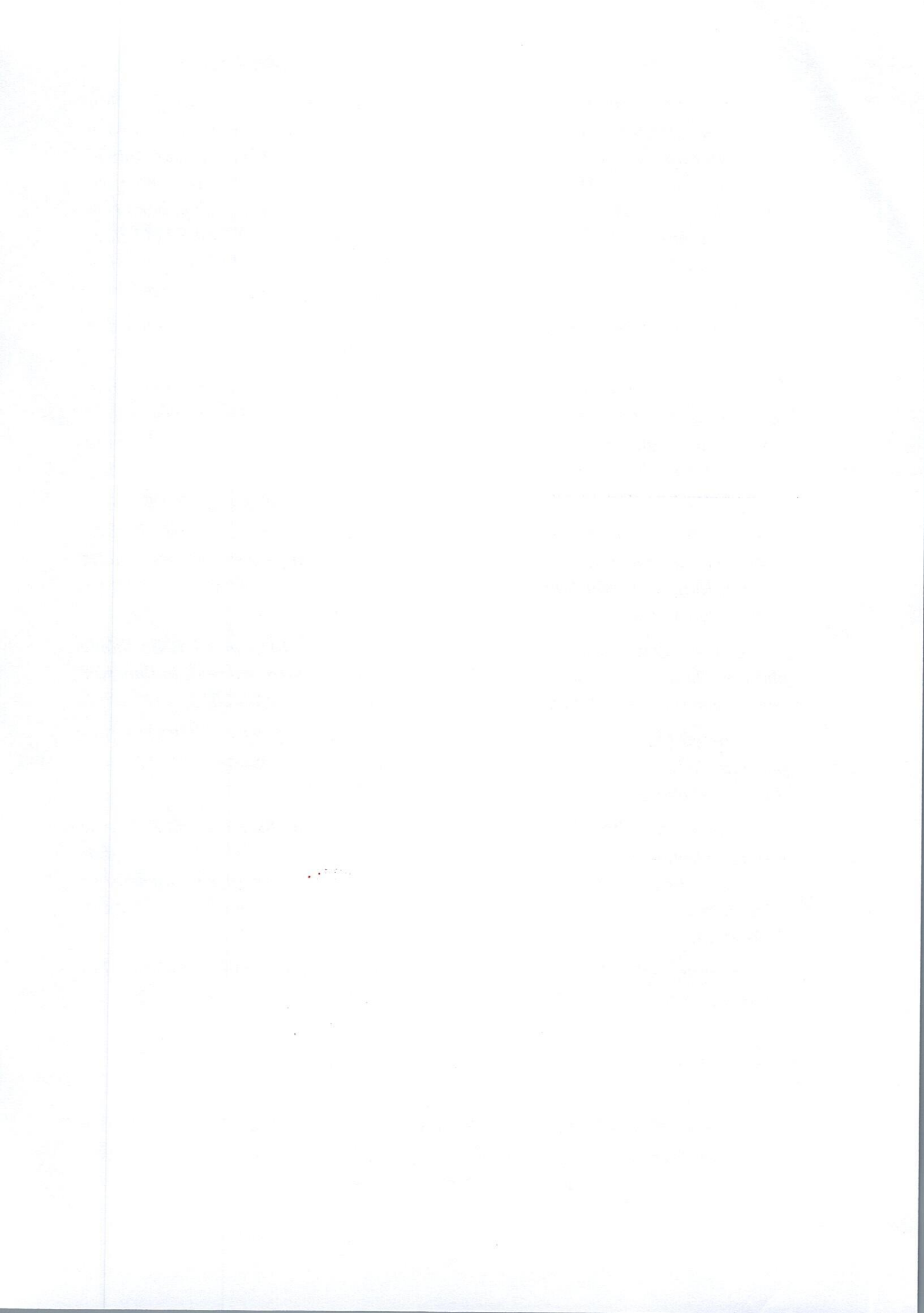
Căn cứ Quyết định số 1347/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 06 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu.

Căn cứ Bản đồ trích đo địa chính khu đất dự án: Bố trí ổn định dân cư tập trung vùng đặc biệt khó khăn bản Sin Chải - xã Sùng phải - thành phố Lai Châu do Công ty Cổ phần ứng dụng công nghệ Tài nguyên và Môi trường thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu xác nhận ngày 12/6/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 979/TTr-TNMT ngày 25/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu), cụ thể như sau:



1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **375.187.601 đồng**.
(*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi năm triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm linh một đồng*).

Trong đó:

| | |
|--------------------------------|-------------------------|
| Chi trả cho chủ sở hữu: | 375.187.601 đồng |
| + Về đất: | 79.524.340 đồng |
| + Về tài sản vật kiến trúc: | 57.090.241 đồng |
| + Về cây cối, hoa màu: | 0 đồng |
| + Về chính sách hỗ trợ | 238.573.020 đồng |

(*Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo*)

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

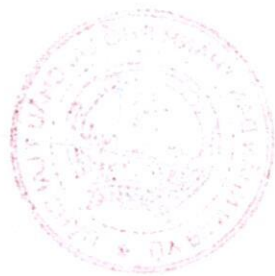
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Hữu Cam

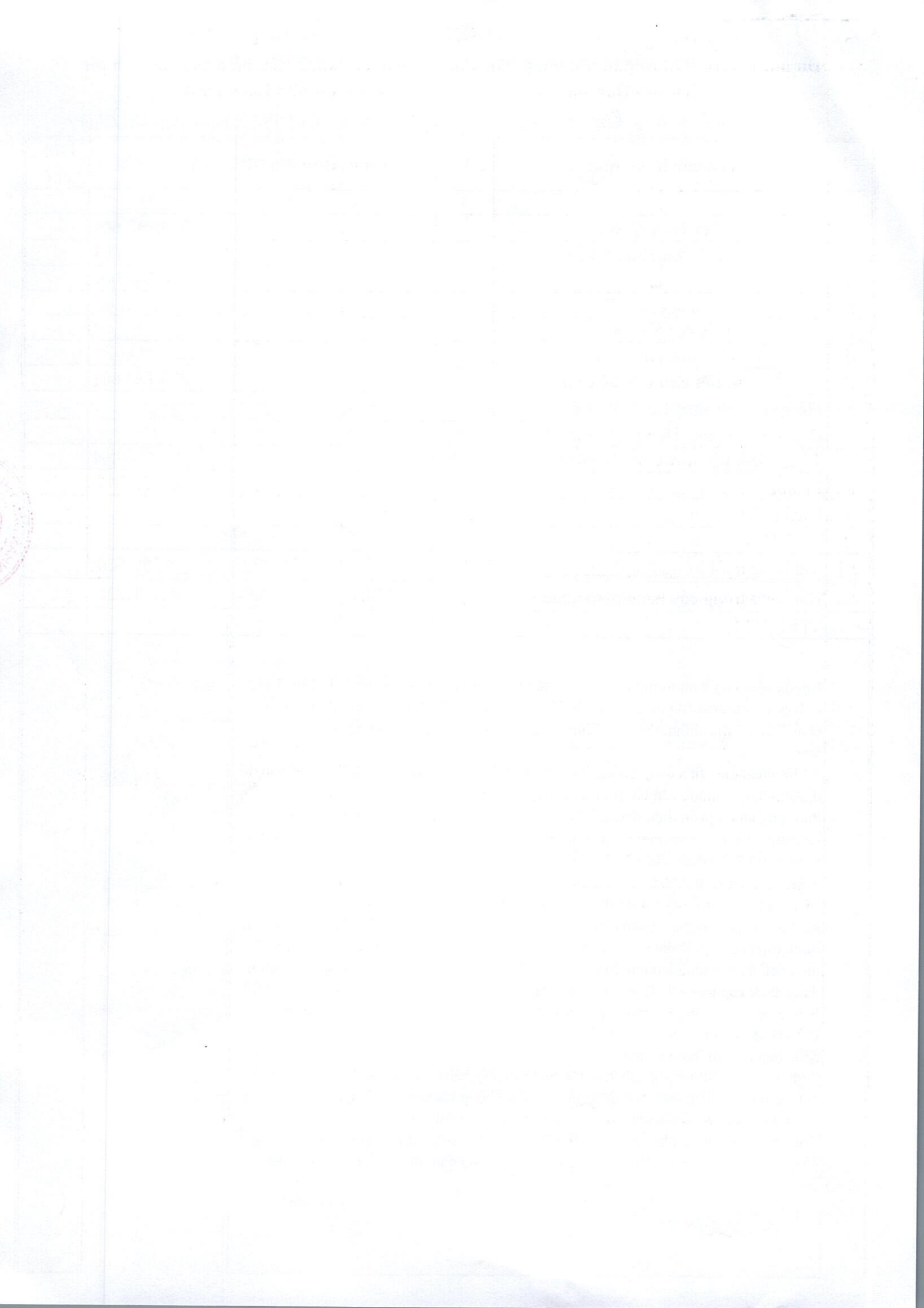


PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản văn hóa truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số - Dân tộc Giáy (bản San Thàng, thành phố Lai Châu)

(Kèm theo Quyết định số: 1661 /QĐ-UBND ngày 29 /12/2023 của UBND thành phố Lai Châu)

| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đ) | Thành tiền | Ghi chú |
|---|--|----------------|----------|-------------|--------------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 | |
| A | TỔNG CỘNG | | | | 375.187.601 | |
| 1 | Chi trả cho chủ sở hữu | | | | 375.187.601 | |
| a | Đất | | | | 79.524.340 | |
| b | Tài sản, VKT | | | | 57.090.241 | |
| c | Cây cối hoa màu | | | | 0 | |
| d | Chính sách hỗ trợ | | | | 238.573.020 | |
| B | Chi tiết cho các hộ dân | | | | 375.187.601 | |
| 1 | Hộ gia đình ông Lò Văn Páo | | | | | |
| | Địa chỉ: Bản San Thàng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu | | | | | |
| | Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d) | | | | 298.586.401 | |
| a | Về đất | | | | 61.521.780 | |
| 1 | Diện tích thu hồi | m ² | 1.666,8 | | | |
| 2 | Loại đất | | | | | |
| 2,1 | Đất bằng nuôi trồng thủy sản | m ² | 87,4 | 38.900 | 3.399.860 | |
| 2,2 | Đất bằng trồng cây hàng năm khác | m ² | 1.579,4 | 36.800 | 58.121.920 | |
| | Vị trí (VT1) | | | | | |
| <p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 03 thửa đất bao gồm các thửa đất số 331, 339, 344, tờ bản đồ 49 (theo BĐ trích đo thu hồi) với tổng diện tích thu hồi 1666,8 m². Đối chiếu bản đồ địa chính năm 2013 phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <p>+ Một phần diện tích đang chồng lấn lên các thửa 103, 104, 130 tờ BĐ số 49 (bản đồ địa chính) đang được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089073 tên ông Lò Văn Páo. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Lò Văn Páo đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Lò Văn Páo khai hoang và sử dụng ổn định một phần từ năm 1998. Nguyên nhân là do giấy chứng nhận cấp sai.</p> <p>+ Một phần diện tích đang chồng lấn lên các thửa đất số 102, 126, 124, 129, tờ BĐ số 49 (bản đồ địa chính) đang được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466387 tên bà Phan Thị Chén. Một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa 105, TBĐ số 49 đang được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466452 cho ông Phan Văn Yên, một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 106, 70, tờ BĐ số 49 theo bản đồ địa chính đang được cấp giấy cho ông Lò Văn Chiến số phát hành BM034730. Một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 176, 194, 174 tờ BĐ số 49 đang quy đất do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Lò Văn Páo đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Lò Văn Páo khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1998 với mục đích đất bằng trồng cây hàng năm khác. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình ông Páo sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, sử dụng với mục đích đất bằng trồng cây hàng năm khác và đất nuôi trồng thủy sản.</p> | | | | | | |

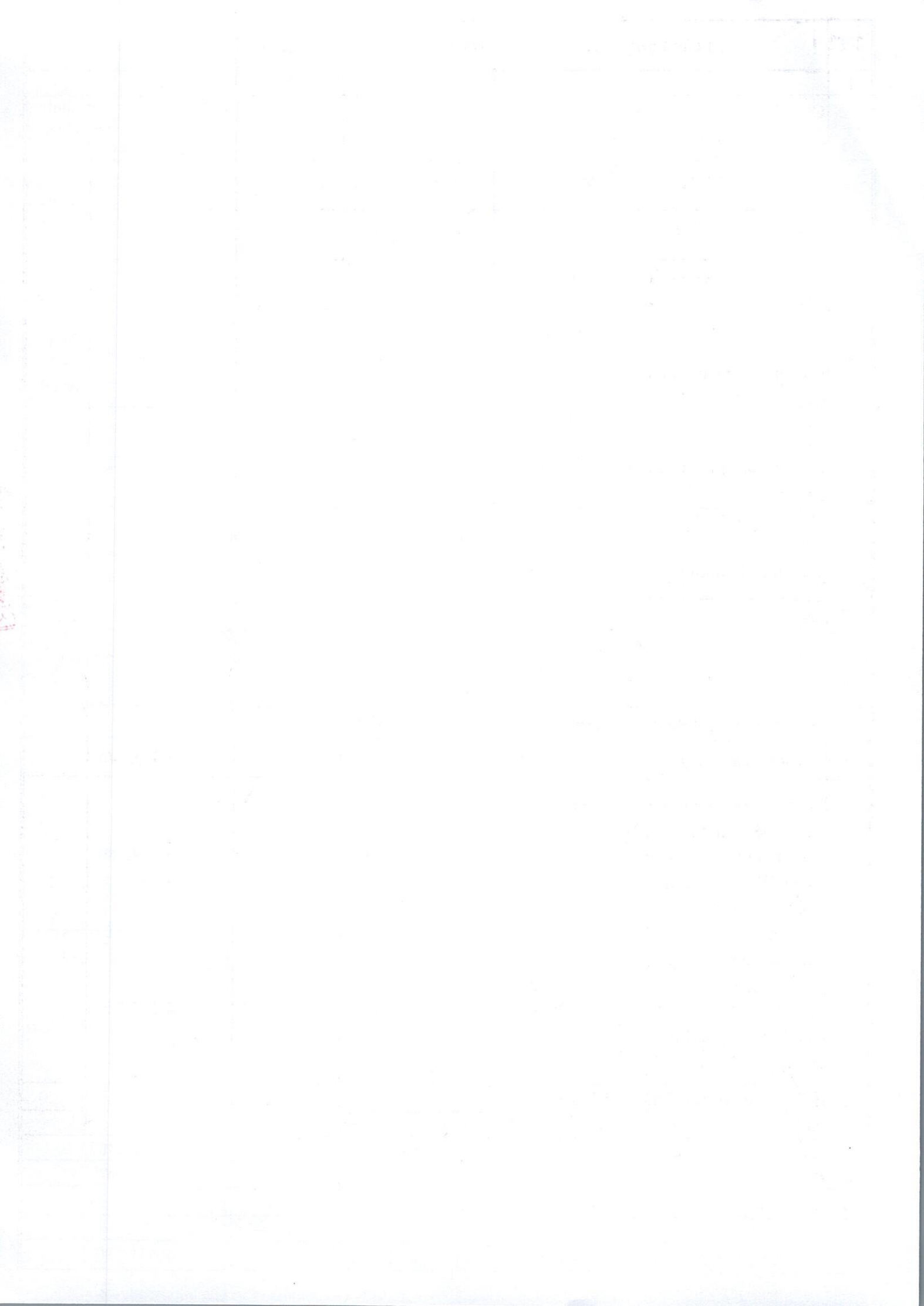


| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đ) | Thành tiền | Ghi chú |
|----------|---|----------------|----------|-------------|-------------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 | |
| b | Tài sản vật kiến trúc | | | | 52.499.281 | |
| | <i>Toàn bộ tài sản do gia đình ông Lù Văn Páo tạo lập năm 1998, đúng mục đích sử dụng đất. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</i> | | | | | |
| 1 | Kè đá xếp khan (1,3*0,3*40) | m ³ | 15,6 | 173.900 | 2.712.840 | |
| 2 | Ao đào không phân biệt cấp đất (1,3*87,4m ²) | m ³ | 113,6 | 71.400 | 8.112.468 | |
| 3 | Ống thép mạ kẽm fi90 dày 1,4mm | m | 4,1 | 48.787 | 200.025 | |
| 4 | Ống PVC fi110, PN6, độ dày 3,2mm | m | 4,1 | 98.727 | 404.781 | |
| 5 | Kè đá xếp khan (34*0,3*0,5) | m ³ | 5,1 | 173.900 | 886.890 | |
| 6 | Lưới cước | m | 21,0 | 4.000 | 84.000 | |
| 7 | Kè đá xếp khan (9*0,8*0,3) | m ³ | 2,2 | 173.900 | 375.624 | |
| 8 | Kè đá xếp khan (23*0,4*0,8) | m ³ | 7,4 | 173.900 | 1.279.904 | |
| 9 | Kè đá xếp khan (10*0,3*0,5) | m ³ | 1,5 | 173.900 | 260.850 | |
| | <i>Phần tài sản do con trai ông Lù Văn Páo là Lù Văn Yên tạo lập và sử dụng trên đất thu hồi của ông Lù Văn Páo</i> | | | | | |
| 10 | Ống HDPE fi 32 độ dày 2mm, PN8 | m | 300,0 | 14.545 | 4.363.500 | |
| 11 | Ống HDPE fi 63 độ dày 3,8 mm, PN8 | m | 600,0 | 56.364 | 33.818.400 | |
| c | Cây cối hoa màu trên đất | | | | | |
| 1 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=20cm, h=8m, 2 cây | m ³ | 0,3 | | | |
| 2 | Cây lấy gỗ trồng trên 3 năm đến dưới 4 năm | cây | 77,0 | | | |
| 3 | Hàng rào cây sống | m | 36,0 | | | |
| 4 | Rau màu gói vụ | m ² | 60,0 | | | |
| 5 | Hàng rào cọc tre | m | 21,0 | | | |
| 6 | Cây ổi trồng hạt năm thứ 2 | cây | 1,0 | | | |
| 7 | Cây chuối chưa có buồng h<1,2m | cây | 24,0 | | | |
| 8 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=35cm, h=11m, 2 cây | m ³ | 1,1 | | | |
| 9 | Cây chuối chưa có buồng h>1,2m | cây | 79,0 | | | |
| 10 | Cây đào trồng hạt năm thứ 4 | cây | 7,0 | | | |
| 11 | Cây ăn quả trồng hạt năm thứ nhất | cây | 55,0 | | | |

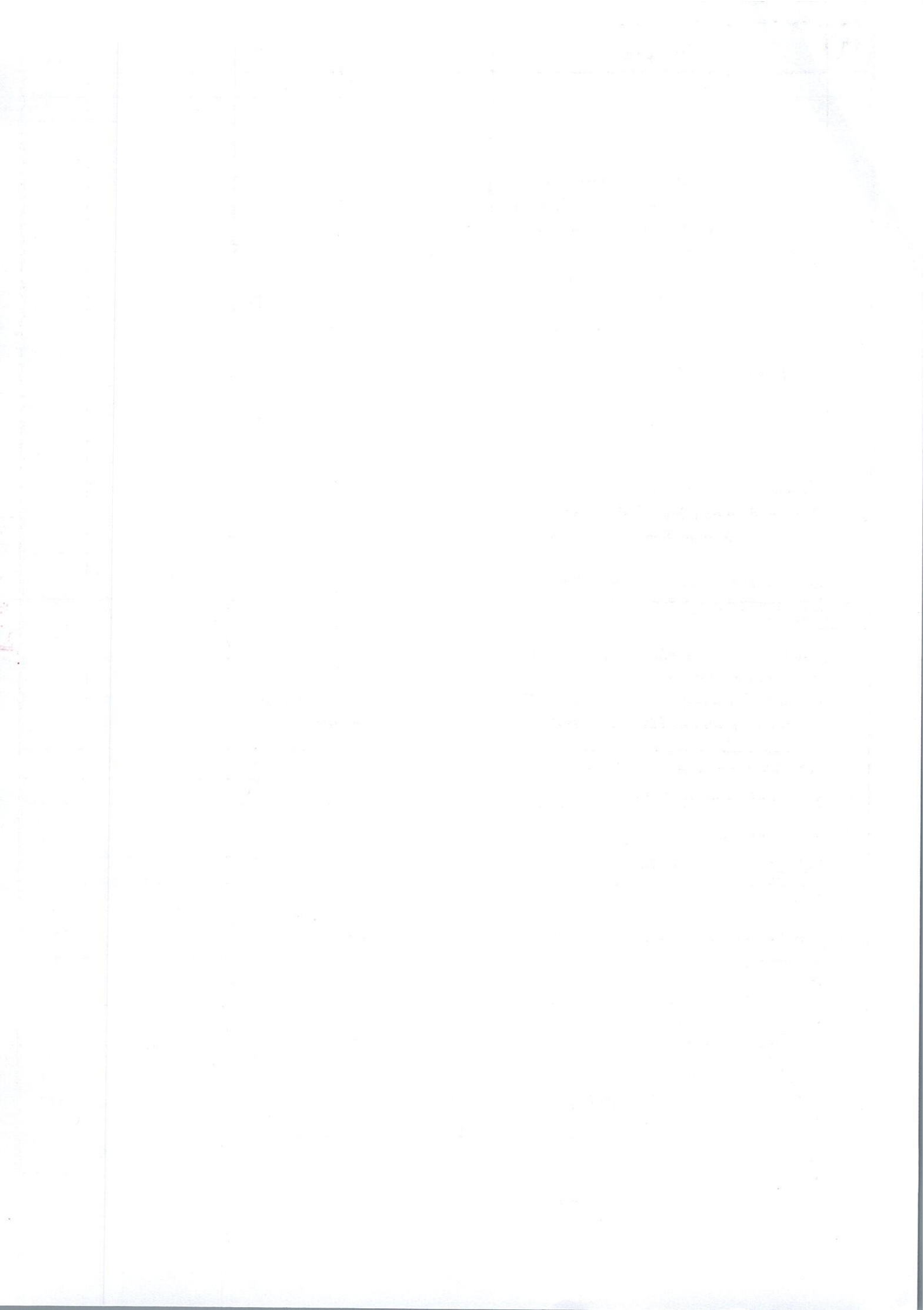
Tạm
thời
chưa
xác



| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đ) | Thành tiền | Ghi chú |
|----------|---|----------------|----------|-------------|--------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 | |
| 12 | Cây ổi bán kính phát tán R=1-2m | cây | 6,0 | | | định được giá trị bồi thường theo ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch |
| 13 | Cây ổi trồng hạt năm thứ 4 | cây | 8,0 | | | |
| 14 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=10cm, h=6m, 2 cây | m ³ | 0,05 | | | |
| 15 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=25cm, h=6m, 1 cây | m ³ | 0,1 | | | |
| 16 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=15cm, h=8m, 12 cây | m ³ | 0,85 | | | |
| 17 | Cây chuối có buồng, 2 cây*20kg/buồng | cây | 40,0 | | | |
| 18 | Cây ổi trồng hạt năm thứ 3 | cây | 9,0 | | | |
| 19 | Cây nhãn bán kính phát tán R=2-4m | cây | 1,0 | | | |
| 20 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=20cm, h=9m, 1 cây | m ³ | 0,14 | | | |
| 21 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=30cm, h=12m, 6 cây | m ³ | 2,5 | | | |
| 22 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=20cm, h=10m, 1 cây | m ³ | 0,2 | | | |
| 23 | Cây nhãn bán kính phát tán R=1-2m | cây | 2,0 | | | |
| 24 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=25cm, h=12m, 1 cây | m ³ | 0,3 | | | |
| 25 | Cây chanh trồng hạt năm thứ 4 | cây | 1,0 | | | |
| 26 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=40cm, h=15m, 1 cây | m ³ | 0,9 | | | |
| 27 | sản lượng cá 0,43kg/m ² *87,4m ² | kg | 37,6 | | | |
| d | Chính sách hỗ trợ | | | | 184.565.340 | |
| 1 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất nuôi trồng thủy sản). | m ² | 87,4 | 116.700 | 10.199.580 | |
| 2 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm). | m ² | 1.579,4 | 110.400 | 174.365.760 | |
| 2 | Hộ gia đình bà Thảo Thị Điện | | | | | |
| | Địa chỉ: Bản San Thành, xã San Thành, thành phố Lai Châu | | | | | |
| | Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d) | | | | 34.241.360 | |
| a | Về đất | | | | 7.621.280 | |
| 1 | Diện tích thu hồi | m ² | 207,1 | | | |
| 2 | Loại đất | | | | | |
| 2,1 | Đất bằng trồng cây hàng năm khác | m ² | 207,1 | 36.800 | 7.621.280 | |




| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đ) | Thành tiền | Ghi chú |
|----------|--|----------------|----------|-------------|-------------------|--|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 | |
| | Vị trí (VT1) | | | | | |
| | <p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 01 thửa đất số 340, tờ bản đồ 49 (theo BĐ trích đo thu hồi) với tổng diện tích thu hồi 207,1 m². Đối chiếu bản đồ địa chính năm 2013 phần diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau: + Một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 176, tờ BĐ số 49 đang quy loại đất SON do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình bà Thảo Thị Điện đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc gia đình bà Thảo Thị Điện khai hoang năm 1998 sử dụng mục đích đất bằng trồng cây hàng năm khác. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do giữa các lần đo đạc có sai số và quy chủ chưa chính xác. + 1 phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 123, tờ BĐ số 49 theo bản đồ địa chính đang được cấp giấy cho ông Nông Văn Dũng số phát hành BC466934. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình bà Thảo Thị Điện đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do bà Thảo Thị Điện khai hoang và sử dụng ổn định từ năm 1998. Nguyên nhân chồng lấn là do giấy chứng nhận cấp sai Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình bà Điện sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với mục đích đất bằng trồng cây hàng năm khác</p> | | | | | |
| b | Tài sản vật kiến trúc | | | | 3.756.240 | |
| | <i>Toàn bộ tài sản do gia đình bà Thảo Thị Điện tạo lập năm 1998, đúng mục đích sử dụng đất. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</i> | | | | | |
| 1 | Kè đá xếp khan (45*0,6*0,8) | m ³ | 21,6 | 173.900 | 3.756.240 | |
| c | Cây cối hoa màu trên đất | | | | - | |
| 1 | Sản lượng sắn (22 tấn/ha/năm*55m ²) | kg | 121,0 | | | Tạm thời chưa xác định được giá trị bồi thường theo ý kiến của phòng Tài |
| 2 | Cây nhãn bán kính phát tán R=2-4m | cây | 1,00 | | | |
| 3 | Cây chanh trồng hạt năm thứ 4 | cây | 2,0 | | | |
| 4 | Cây xoan d tại 1,3m=35cm, h=9m, 5 cây | cây | 2,16 | | | |
| 5 | Cây ổi trồng hạt năm thứ 3 | cây | 1,0 | | | |
| 6 | Cây ổi bán kính phát tán R=1-2m | cây | 1 | | | |
| 7 | Cây xoan trồng từ 4 đến dưới 5 năm | cây | 1,0 | | | |
| 8 | Cây chuối chưa buồng h>1,2m | cây | 12,0 | | | |
| 9 | Cây nhãn bán kính phát tán R=2-4m | cây | 2,0 | | | |
| 10 | Cây chuối chưa buồng h<1,2m | cây | 4,0 | | | |
| 11 | Cây sa nhân đã cho thu hoạch | m ² | 100,0 | | | |
| d | Chính sách hỗ trợ | | | | 22.863.840 | |



| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đ) | Thành tiền | Ghi chú |
|----------|--|----------------|----------|-------------|-------------------|---------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 | |
| 1 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm). | m ² | 207,1 | 110.400 | 22.863.840 | |
| 3 | Hộ gia đình ông Vàng Văn Sân | | | | | |
| | Địa chỉ: Bản San Thành, xã San Thành, thành phố Lai Châu | | | | | |
| | Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d) | | | | 42.359.840 | |
| <i>a</i> | <i>Về đất</i> | | | | 10.381.280 | |
| 1 | Diện tích thu hồi | m ² | 282,1 | | | |
| 2 | Loại đất | | | | | |
| 2,1 | Đất bằng trồng cây hàng năm khác | m ² | 282,1 | 36.800 | 10.381.280 | |
| | Vị trí (VT1) | | | | | |
| | <p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 01 thửa đất số 348, tờ bản đồ 49 (theo BĐ trích đo thu hồi) với tổng diện tích thu hồi 282,1 m². Đối chiếu bản đồ địa chính năm 2013 phân diện tích thu hồi, có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <p>+ Phần diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC466499 do UBND thị xã Lai Châu cấp ngày 20/4/2012 cho ông Vàng Văn Sân và bà Lò Thị Khen.</p> <p>+ Một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 159, tờ BĐ số 49 đang quy loại đất BCS do UBND xã quản lý; một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 86, 87 tờ BĐ số 49 đang được cấp giấy cho ông Nông Văn Tích số phát hành BC466534; một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 168, tờ BĐ số 49 đang được cấp giấy cho ông Nông Văn Tích số phát hành BM089766. Tuy nhiên toàn bộ phần diện tích này hiện do gia đình ông Vàng Văn Sân đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc gia đình ông Vàng Văn Sân khai hoang năm 1998. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc có sai số và quy chủ chưa chính xác.</p> <p>Một phần diện tích đang chồng lấn lên thửa đất số 169, tờ BĐ số 49 theo bản đồ địa chính đang được cấp giấy cho ông Nông Văn Tích số phát hành BM089766 là do giấy chứng nhận cấp sai.</p> <p>Toàn bộ diện tích thu hồi gia đình ông Sân sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với mục đích đất bằng trồng cây hàng năm khác</p> | | | | | |
| <i>b</i> | Tài sản vật kiến trúc | | | | 834.720 | |
| | <i>Toàn bộ tài sản do gia đình ông Vàng Văn Sân tạo lập năm 1998, đúng mục đích sử dụng đất. Khi tạo lập tài sản không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng. Tài sản được tạo lập trước khi có kế hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án. Tài sản sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</i> | | | | | |
| 1 | Kè đá xếp khan (16*1*0,3) | m ³ | 4,8 | 173.900 | 834.720 | |
| <i>c</i> | <i>Cây cối hoa màu trên đất</i> | | | | - | |



| TT | Tên các hạng mục | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (đ) | Thành tiền | Ghi chú |
|----------|---|----------------|----------|-------------|-------------------|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4*5 | |
| 1 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m =15cm, h=10m, 3 cây | m ³ | 0,3 | | | Tạm thời chưa xác định được giá trị bồi thường theo ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch |
| 2 | Cây lấy gỗ trồng từ 4 đến dưới 5 năm | cây | 2,00 | | | |
| 3 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m =8cm, h=6m, 1cây | cây | 0,02 | | | |
| 4 | Cây chuối chưa buồng h>1,2m | cây | 31,00 | | | |
| 5 | Cây chuối chưa buồng h<1,2m | cây | 10,0 | | | |
| 6 | Cây ổi bán kính phát tán R=1-2m | cây | 4 | | | |
| 7 | Cây nhãn trồng hạt năm thứ 4 | cây | 1,0 | | | |
| 8 | Cây chuối có buồng 1 cây *20kg/buồng | kg | 20,0 | | | |
| 9 | Cây lấy gỗ d tại 1,3m=15cm, h =8m, 2 cây | m ³ | 0,1 | | | |
| 10 | Cây chuối chưa buồng h>1,2m | cây | 4,0 | | | |
| <i>d</i> | <i>Chính sách hỗ trợ</i> | | | | 31.143.840 | |
| 1 | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm). | m ² | 282,1 | 110.400 | 31.143.840 |  |

